

## KIỂM ĐỊNH VÙNG 1.230

## TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

## Triển vọng tích cực của ngành Bảo hiểm năm 2025

Kinh tế vĩ mô được dự báo tiếp tục phục hồi, GDP tăng 7,09% trong năm 2024, thu nhập và sức mua của người dân cải thiện, tầng lớp trung lưu gia tăng, dẫn đến gia tăng nhu cầu bảo hiểm của người dân.

Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đầu tư công, triển khai các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản, xây dựng; hoạt động xuất khẩu năm 2024 kỳ vọng tích cực hơn sẽ thúc đẩy nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa.

Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ giúp tối ưu hóa quy trình bán hàng, rút ngắn giao dịch và nâng cao trải nghiệm cũng như giúp các doanh nghiệp bảo hiểm dễ dàng tiếp cận khách hàng.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

## Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index giảm 15,29 điểm trong phiên 10/01 kết phiên ở mức 1.230,48 điểm. Thanh khoản tăng 48,44% so với phiên giao dịch ngày 09/01. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 223 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng tiếp tục giằng co và điều chỉnh trong vùng 1.220-1.240 điểm trong phiên giao dịch ngày 13/01/2025. VN-Index đã có một tuần giao dịch không mấy khả quan khi áp lực bán chiếm ưu thế và khối ngoại tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng, khiến tâm lý nhà đầu tư trở nên bi quan. Mặc dù một số doanh nghiệp đã công bố BCTC năm 2024 với kết quả tích cực, nhưng tâm lý e ngại giao dịch trước Tết vẫn khiến thị trường thiếu động lực đi lên, và khả năng thị trường sẽ tiếp tục điều chỉnh với thanh khoản thấp. Hiện tại, kỳ vọng lực cầu sẽ tăng mạnh tại vùng 1.230 điểm để giảm bớt áp lực tiêu cực

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



Chỉ báo	RSI 14	MFI	MA10	MA20	MA50	MA100
Giá trị	33,73	37,93	1.255,88	1.259,78	1.251,47	1.262,61
Hành động	Quan sát	Quan sát	Quan sát	Quan sát	Quan sát	Quan sát

## CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

BVH

Khuyến nghị: Theo dõi

TP: 56.000 VND | UPSIDE: +14%

## Chiến lược hành động

**MUA:** NĐT tiếp tục quan sát thị trường, các vị thế mua mới nên chờ tín hiệu trở lại của lực cầu đi kèm giá đóng cửa trên kháng cự.

**BÁN:** NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, hạ tỷ trọng danh mục khi VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1.220 điểm.

## Tổng quan thị trường

Thị trường	Giá trị	%Δ
<b>VN-Index</b>		
Đóng cửa	1.230,48	-1,23
KLCP (triệu CP)	499,27	48,44
GTGD (tỷ VND)	11.235	49,51
Khớp lệnh	10.437	-14,22
Thỏa thuận	798	-6,47
<b>HNX-Index</b>		
Đóng cửa	219,49	-1,10
KLCP (triệu CP)	49,87	26,60
GTGD (tỷ VND)	787,5	14,80
<b>UPCoM</b>		
Đóng cửa	92,15	-1,01
KLCP (triệu CP)	60,32	19,42
GTGD (tỷ VND)	876,3	32,18

**Diễn biến TTCK Mỹ:** Chỉ số Dow Jones mất 696,75 điểm, tương đương 1,63%, đóng cửa ở mức 41.938,45. Chỉ số S&P 500 giảm 1,54% xuống 5.827,04, trong khi Nasdaq giảm 1,63% xuống 19.161,63. Các khoản giảm điểm của ngày thứ Sáu đã đẩy các chuẩn mực chính vào vùng đỏ trong năm 2025.

**Thế giới:** Trong bối cảnh nền kinh tế Mỹ vẫn đang vật lộn với áp lực giá cả, giới chức Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đang phải cân nhắc kỹ lưỡng giữa việc kiểm chế lạm phát và đối phó với những bất ổn từ các chính sách thương mại, nhập cư sắp tới của Tổng thống đắc cử Trump. Theo biên bản cuộc họp chính sách tháng 12 được công bố ngày 8/1, các quan chức Fed đã bày tỏ lo ngại về lạm phát và tác động mà các chính sách của Tổng thống đắc cử Trump có thể gây ra. Mặc dù không nêu đích danh ông Trump, nhưng biên bản tóm tắt cuộc họp của Fed có ít nhất 4 lần đề cập đến tác động mà những thay đổi trong chính sách nhập cư và thương mại có thể gây ra cho nền kinh tế lớn nhất thế giới. Ngoài ra, tăng trưởng việc làm mạnh hơn nhiều so với dự kiến vào tháng 12, có khả năng khiến Cục Dự trữ Liên bang ít động lực hơn để cắt giảm lãi suất trong năm nay. Bảng lương phi nông nghiệp tăng vọt 256.000 trong tháng, tăng từ 212.000 vào tháng 11 và cao hơn dự báo 155.000 từ sự đồng thuận của Dow Jones, Cục Thống kê Lao động báo cáo hôm thứ sáu.

**Việt Nam:** Thống kê của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HoSE) cho thấy, phần lớn các chỉ số ngành trên HOSE đều có sự tăng trưởng tích cực trong năm 2024. Đáng chú ý, nhiều ngành có mức tăng trưởng vượt trội so với VN-Index. Trong đó, chỉ số ngành công nghệ thông tin (VNIT) tăng tới 76,47% trong năm qua. Mức tăng mạnh mẽ của ngành này được hỗ trợ bởi xu hướng đầu tư cổ phiếu công nghệ trên toàn cầu, trong bối cảnh bùng nổ nhu cầu sử dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn... Ngoài VNIT, chỉ số một số ngành khác cũng ghi nhận tăng mạnh trong năm qua, như ngành hàng tiêu dùng (VNCOND) tăng 32,18%; chỉ số ngành chăm sóc sức khỏe (VNHEAL) tăng 27,13%; ngành chăm sóc sức khỏe (VNHEAL) tăng 27,13% và ngành tài chính (VNFIN) tăng 21,5%. Tính đến ngày 31/12/2024, trên HOSE có 40 doanh nghiệp có vốn hóa hơn 1 tỷ USD; trong đó, có 2 doanh nghiệp có vốn hóa trên 10 tỷ USD là Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB) và Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID). So với thời điểm cuối năm 2023, số lượng doanh nghiệp niêm yết có vốn hóa trên 1 tỷ USD năm qua giảm 2 doanh nghiệp. Trong đó, Top 10 doanh nghiệp có vốn hóa lớn nhất sàn HoSE trong năm 2024 có nhiều biến động so với năm trước đó.

**Tỷ giá USD/VND:** Tỷ giá tự do giảm xuống mức 25.370.

**Vàng:** Tuần qua, giá vàng thế giới đã giao dịch khá tích cực với mức tăng khoảng 50 USD mỗi ounce lên trên 2.685 USD/ounce chốt tuần. Trong nước, giá vàng nhẫn và vàng SJC cũng tăng thêm khoảng 800 nghìn đồng mỗi lượng ở chiều mua vào, tăng 1,3 triệu đồng mỗi lượng ở chiều bán ra. Theo đó, vàng SJC niêm yết cuối tuần tại các ngân hàng thương mại, Công ty SJC và các doanh nghiệp khác ở mức tại 84,80 - 86,80 triệu đồng/lượng. Vàng nhẫn cũng đang được niêm yết ở mức giá cao với nhẫn SJC 999.9 mua vào - bán ra tại 84,80 - 86,600 triệu đồng/lượng.

**POW:** Ngày 12-1, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power) cho biết, hôm qua Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 đã chính thức đốt lửa lần đầu thành công. Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 là 2 dự án điện sử dụng khí LNG đầu tiên tại Việt Nam. Dự án có tổng mức đầu tư gần 1,4 tỷ USD, công suất 1,5-1,6 ngàn MW. Dự án khởi công tháng 4-2022, đến nay đã đạt hơn 95% khối lượng công việc. Theo kế hoạch, cả 2 nhà máy này sẽ phát điện thương mại trong năm 2025. Khi đó, các dự án sẽ bổ sung khoảng 9 tỷ kWh điện/năm cho hệ thống điện quốc gia; đem lại doanh thu từ 17-18 ngàn tỷ đồng/năm cho Đồng Nai. Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 được xây dựng trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai. Ảnh: Hoàng Lộc Trong năm 2024, Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đã ký hợp đồng vay vốn với tổ chức tín dụng nước ngoài, ký hợp đồng mua bán điện và ký hợp đồng mua bán khí tự nhiên.

**Chứng khoán thế giới**

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	5.827,04	-1,54	-0,71
DJIA	41.938,45	-1,63	-1,07
Nasdaq	19.161,63	-1,63	-0,62
Shanghai	3.168,52	-1,33	-2,88
Hang Seng	19.064,29	-0,92	-2,85

**Thị trường hàng hóa**

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.685,61	0,57	1,03
Dầu WTI	76,57	3,11	4,71
Dầu Brent	79,76	3,26	5,09
Than	115,75	-1,45	-7,58
Đồng	4,3140	0,88	8,10
Quặng sắt	98,09	0,36	-5,33
Thép	426,16	-0,70	-4,71

**Thị trường ngoại tệ**

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	109,64	0,44	0,32
USD/JPY	157,77	-0,19	0,19
USD/CNY	7,3634	0,10	0,31
EUR/USD	1,0241	-0,57	-0,22
GBP/USD	1,2207	-0,82	-1,39

**Top đột phá khối lượng (tỷ VND)**

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
SSI	514,98	23,70	-2,87
VIX	190,99	9,20	-3,77
STB	556,35	35,20	-3,30
HCM	305,19	27,20	-2,86
VRE	149,78	16,85	-0,88

**Top giá trị giao dịch (tỷ VND)**

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
STB	556,35	35,20	-3,30
SSI	514,98	23,70	-2,87
FPT	374,93	147,30	-1,01
HPG	368,87	25,55	-1,73
HDB	351,15	21,60	-3,36

# BVH

(HOSE)

**Khuyến nghị**

**Theo dõi**

Giá hiện tại (10/01/2025)

**49.500**

Giá mục tiêu

**56.000**

Tiềm năng tăng trưởng

**14%–16%**

Vùng mua

**48.300–49.300**

**Ngưỡng cắt lỗ**

**<46.400**

**LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ**

**Lũy kế 9 tháng 2024**, BVH ghi nhận doanh thu đạt 42.121 tỷ đồng. LNST đạt 1.618 tỷ đồng, tăng 13,3% yoy. Qua đó, hoàn thành 249%KH doanh thu và 558% KH lợi nhuận sau thuế năm 2024

**Chiến lược phát triển bền vững:** Tính đến 30/9/2024, BVH có tổng tài sản là 238,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7,7% so với đầu năm. Trong đó các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn chiếm 91% tổng tài sản. Qua đó, khẳng định BVH đang xây dựng danh mục đầu tư vững mạnh, giảm rủi ro từ kinh doanh truyền thống và tăng thu nhập ổn định từ tài sản tài chính, đồng thời chú trọng phát triển các kênh đầu tư dài hạn để tạo giá trị bền vững.

**Quy mô đầu ngành:** Với thị phần lớn nhất trong ngành bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, BVH sở hữu nền tảng vững chắc về khách hàng, tài sản và mạng lưới phân phối rộng khắp. Đây là lợi thế cạnh tranh dài hạn mà ít doanh nghiệp nào trong ngành sánh được.

**Cổ tức bằng tiền hấp dẫn:** BVH duy trì mức cổ tức ~ 10% bằng tiền mặt, một tỷ lệ ổn định và hấp dẫn nhà đầu tư dài hạn. Cổ tức này không chỉ tạo dòng tiền đều đặn mà còn củng cố niềm tin vào triển vọng tăng trưởng của công ty.

**Tiềm năng thị trường bảo hiểm cải thiện:** Ý thức bảo vệ sức khỏe khi tầng lớp trung lưu ngày càng gia tăng, môi trường sống ngày càng ô nhiễm, bệnh tật tai nạn gia tăng khiến nhu cầu bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ gia tăng.

**Chuyển đổi số góp phần tiếp cận khách hàng:** Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong ngành bảo hiểm giúp tối ưu hóa quy trình bán hàng, từ nền tảng trực tuyến đến sử dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để phân tích nhu cầu khách hàng. Điều này không chỉ rút ngắn thời gian giao dịch mà còn mở rộng khả năng tiếp cận và cải thiện trải nghiệm khách hàng.

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT**

BVH đang tích cực lấy lại các mốc MA dài hạn và lấy lại các mốc MA ngắn hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI đang tích lũy tiến vùng mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường và dòng tiền để có điểm mua phù hợp.



**Thông tin doanh nghiệp**

Phân ngành ICB L2	Bảo hiểm
Biến động giá 1Y	37.330–55.700
KLGBQ 10D (CP)	674.730
Vốn hóa (tỷ đồng)	36.373,82
BVPS	30.673
P/E (lần)	19,06
P/B (lần)	1,72
EPS (VND)	2.571,34
SL CPLH (triệu CP)	742,32
Tỷ lệ free-float (%)	10,00
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	26,61
ROA (%)	0,82
ROE (%)	8,65

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Đi ngang
Xu hướng tuần	-	Đi ngang
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI 14	46,70	Quan sát
MFI	46,73	Quan sát
MA10	50,15	Quan sát
MA20	51,35	Quan sát
MA50	48,30	Mua
MA100	45,51	Mua

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
-----	-------------	--------	----------	----------	---------	--------------	------------	----------	---------	-------

### Danh mục theo dõi

1	<b>VPB</b>	Theo dõi	18,8–19,2			22.200	18.000			
2	<b>SAB</b>	Theo dõi	55–55,5			64.000	52.600			
3	<b>ACB</b>	Theo dõi	24,6–25,0			28.000	23.600			

### Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	<b>HPG</b>	Nắm giữ	25,6–26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			-1,7%
2	<b>KBC</b>	Nắm giữ	27,1–27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			2,9%
3	<b>PAN</b>	Nắm giữ	22,2–22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400			5,6%
4	<b>VGC</b>	Nắm giữ	43,0–44,0	24/12/2024	44.000	54.000	41.500			8,2%
5	<b>BCM</b>	Nắm giữ	67,5–69,5	27/12/2024	68.800	82.300	64.900			1,7%
6	<b>HAG</b>	Nắm giữ	11,8–12,4	30/12/2024	11.800	16.900	11.600			-1,3%
7	<b>PLX</b>	Nắm giữ	37,5–38,2	08/01/2025	37.400	44.700	36.000			1,9%
8	<b>TCB</b>	Nắm giữ	23,5–23,9	09/01/2025	23.750	27.000	22.500			-1,5%
9	<b>VCG</b>	Nắm giữ	17,5–17,8	10/01/2025	18.000	20.900	16.800			1,1%

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	BFC	Chốt lời	38-38,8	16/12/2024	38.000	45.500	36.500	25/12/24	41.650	9,6%
2	HAX	Chốt lời	15,9-16,3	18/12/2024	16.350	18.200	15.400	25/12/24	17.750	8,6%
3	DDV	Chốt lời	19,0-19,8	23/12/2024	19.900	23.000	18.400	25/12/24	21.000	5,5%
4	PVT	Chốt lời	27,2-27,6	20/12/2024	27.600	32.300	26.000	26/12/24	28.300	2,5%
5	TNG	Chốt lời	24,7-25,0	02/12/2024	24.900	28.500	23.700	27/12/24	26.300	5,6%
6	DHC	Chốt lời	35,0-35,6	23/12/2024	36.000	40.000	33.500	30/12/24	38.350	6,5%
7	MSN	Cắt lỗ	70,4-71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400	31/12/24	70.800	-0,7%
8	PDR	Chốt lời	20,6-21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800	31/12/24	20.950	5,3%
9	CTG	Chốt lời	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900	31/12/24	38.700	15,2%
10	VNM	Cắt lỗ	63,3-64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500	31/12/24	63.800	-0,9%
11	VHC	Chốt lời	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400	03/01/25	71.900	2,0%
12	CTD	Chốt lời	64,8-66,0	03/12/2024	65.500	75.000	62.100	03/01/25	69.900	6,7%
13	PNJ	Chốt lời	92,8-93,5	04/12/2024	93.500	108.000	88.600	03/01/25	97.900	4,7%
14	REE	Chốt lời	65,0-66,3	17/12/2024	66.000	73.000	62.300	03/01/25	67.300	2,0%
15	MWG	Cắt lỗ	60,0-61,0	25/12/2024	61.300	80.000	57.500	03/01/25	60.700	-1,0%
16	MSB	Chốt lời	11,2-11,5	25/12/2024	11.300	13.000	10.850	03/01/25	11.550	2,2%
17	DGC	Chốt lời	106-108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000	06/01/25	116.000	7,5%
18	DBC	Chốt lời	26,6-27,0	17/12/2024	26.800	30.500	25.500	06/01/25	27.950	3,5%
19	IDC	Chốt lời	55,6-56,5	18/12/2024	56.200	64.500	53.100	06/01/25	55.400	-1,6%
20	CTR	Chốt lời	122-125,5	30/12/2024	122.000	145.000	117.700	10/01/25	127.500	4,2%

Email: [research@lpbs.com.vn](mailto:research@lpbs.com.vn)

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



### Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.